TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2018
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Móm Em**
Ông **Hồ Văn Hạnh.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về ***"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Huyền Tr** - sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Bà Đ, xã Tr1 Ch, huyện V, tỉnh Vĩnh Long
- *Bị đơn:* Anh **Lê Thành Tr1** - sinh năm: 1986; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Rạch V, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền Tr trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tìm hiểu nhau được 05 năm và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị Tr và anh Lê Thành Tr1 đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/01/2012.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống bên gia đình cha mẹ chồng tại ấp Rạch V, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long một thời gian và sống bên gia đình tôi tại ấp Bà Đ xã Tr1 Ch một thời gian, do chị Tr là con một nên vợ chồng chị không sống cố định

một bên. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp, anh Tr1 tính tình nóng nảy, cọc cằn thường xuyên đánh chị Tr. Vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2013 đến nay.

Nay chị Tr nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thành Tr1.

- Về con chung: chị Tr và anh Tr1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr không có ý kiến và không có yêu cầu nào khác.

* Bị đơn anh Lê Thành Tr1 đã được Tòa án nhân dân huyện V niêm yết và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Tr1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền Tr. Chị Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Lê Thành Tr1.

- Về con chung: chị Tr và anh Tr1 không có con chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị Huyền Tr phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Lê Thành Tr1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Lê Thành Tr1 đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/01/2012. Theo lời trình bày của chị Tr vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh Tr1 nhiều lần đánh chị Tr. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Xét tình cảm chị Tr dành cho anh Tr1 không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Tr1 là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung của vợ chồng: chị Tr và anh Tr1 không có con chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Thành Tr1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền Tr.

- Về mối quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Lê Thành Tr1.

- Về con chung: chị Trần Thị Huyền Tr và anh Lê Thành Tr1 không có con chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị Huyền Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Trần Thị Huyền Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009225, ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. chị Trần Thị Huyền Tr không phải nộp thêm.

Anh Lê Thành Tr1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Quới Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn